TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 06 tháng 9 năm 2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Lợi
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Khanh
Bà Hoàng Thị Trang

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Nguyễn Trọng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thanh Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án B trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn c, xã E, huyện C, tỉnh Đ
Nơi ở hiện nay: Số 459/2 đường T, phường H, quận H, thành phố Đ (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn c, xã E, huyện C, tỉnh Đ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai T trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn A đã chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/01/2012 tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc nhưng được một thời gian thì chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm. Đến nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn K.A, sinh ngày 06/03/2012, hiện nay cháu đang ở với anh A. Nếu Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì tôi có nguyện vọng giao cháu K.A cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày:

Tôi và chị Nguyễn Thị Mai T có tìm hiểu và chung sống với nhau từ 2012 và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/01/2012 tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thì tôi có thừa nhận hai vợ chồng có xảy ra cãi vã, chị T hay bỏ nhà đi. Nay chị Nguyễn Thị Mai T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn K.A, sinh ngày 06/03/2012, hiện nay cháu đang ở với tôi. Khi ly hôn thì tôi có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.A cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số: 17/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mai T được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn K.A, sinh ngày 06/03/2012 cho anh Nguyễn Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Nguyễn Văn A trú tại thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai T có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Mai T theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: HĐXX nhận thấy chị Nguyễn Thị Mai T và anh Nguyễn Văn A tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 31/01/2012, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, chị Nguyễn Thị Mai T đã bỏ đi sống ly thân. Xét thấy mục đích hôn nhân của anh chị không thể đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mai T, cho chị Nguyễn Thị Mai T được ly hôn với anh Nguyễn Văn A là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống các đương sự có 01 con chung là cháu Nguyễn K.A, sinh ngày 06/03/2012, hiện nay cháu đang ở với anh Nguyễn Văn A. Các đương sự đều có nguyện vọng tiếp tục giao cháu K.A cho anh Nguyễn Văn A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Mai T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, khoản 1 Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai T.

- *Về quan hệ hôn nhân***:** Cho chị Nguyễn Thị Mai T ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Khải An, sinh ngày 06/03/2012 cho anh Nguyễn Văn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Mai T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Mai T phải chịu *300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số AA/2021/0017541 ngày 09/3/2023.

- Quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- THADS C;
- Các đương sự;
-UBND xã E;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

LÊ LỢI